TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST-DS	*Thuỷ Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 463; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 P, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T – Chức vụ: Chuyên viên bộ phận xử lý nợ - Ngân hàng TMCP B (Văn bản ủy quyền, ngày 13/9/2022).

Bị đơn: Anh Phạm Quang S, sinh năm 1993 và chị Vũ Thị M, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn 10, xã C, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (là mẹ đẻ); nơi cư trú: Thôn 10, xã C, huyện T, thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023 có chứng thực của UBND xã C).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ngân hàng TMCP B và anh Phạm Quang S, chị Vũ Thị M thống nhất thỏa thuận anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M đồng ý, tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 20/3/2023 cụ thể là:

Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng là Cá nhân số 0129/2018/HĐTD2/BVB-021, ngày 06/02/2018 và Khế ước nhận nợ số 0129.01/2018/KUNN2/BVB-021, ngày 07/02/2018 (kèm theo hợp đồng) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/3/2023 là 428.225.949 đồng; trong đó tổng số nợ gốc là: 260.400.000 đồng; lãi trong hạn là 82.698.950 đồng; lãi quá hạn 64.715.902 đồng; lãi chậm trả: 20.411.097 đồng.

2.2. Kể từ ngày 21/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về phương án trả nợ: Anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M nhận trách nhiệm sẽ trả toàn bộ số dư nợ gốc lãi nói trên trong thời hạn 04 tháng kể từ tháng 4/2023 đến hết ngày 30/7/2023 mỗi tháng tối thiểu trả 10.000.000 (mười triệu) đồng và chậm nhất đến hết ngày 30/7/2023 anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M sẽ tất toán toàn bộ số dư nợ gốc, lãi còn lại của Hợp đồng.

2.4. Trong trường hợp anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M vi phạm bất kỳ, kỳ hạn trả nợ nào theo thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 910B, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại: Thôn 10, xã C, huyện T, thành phố H đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 233369, số vào sổ cấp GCN: CH 00513 cấp ngày 11/4/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Phạm Quang S đã được ký thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0129/2018/HĐTC2/BVB-021, số công chứng: 883/2018; Quyển số: 01TP.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 06/02/2018 tại Văn phòng công chứng Gia Phúc (diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 233369 là 64m^2, diện tích đất

đo vẽ thực tế là 55,9m^2 có các mốc giới từ mốc 01 đến mốc 06 (có sơ đồ kèm theo).

2.5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ thì anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà thừa thì phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Phạm Quang S và chị Vũ Thị M.

2.6. Về án phí

Anhy Phạm Quang S và chị Vũ Thị M nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.564.518 đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008268, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi Cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mến

Kính gửi: - TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN

Căn cứ quyết định số 11/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01/07/2019 của Tòa Án Nhân Dân Huyện Thủy Nguyên về việc " Quyết định đưa vụ án ra xét xử " . Để tạo điều kiện cho bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai trong quá trình trả nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu. Hai bên đã có thỏa thuận trả nợ Ngân hàng như sau :

+ Chậm nhất đến ngày 15/09/2019 : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu số tiền là 150.000.000,đ.

+ Chậm nhất đến ngày 15/11/2019 : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu số tiền là 60.000.000,đ.

+ Chậm nhất đến ngày 31/12/2019 : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu số tiền nợ còn lại.

Nếu trong quá trình trả nợ trên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai vi phạm tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng TMCP Công thương

Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu đề nghị Thi Hành Án Huyện Thủy Nguyên tiến hành kê biên phát mại bán tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng toàn bộ các tài sản thế chấp nợ vay còn lại bao gồm:

Phương tiện giao thông vận tải thủy:

- Tên phương tiện: Sao Mai 68
- Số đăng kí: HP 4129
- Cấp phương tiện: VR-SI
- Công dụng: Chở hàng khô
- Năm/nơi đóng: 2016-Quảng Ninh
- Chiều dài thiết kế: 65.10 m
- Chiều dài lớn nhất: 68.10 m
- Chiều rộng thiết kế: 11.20 m
- Chiều rộng lớn nhất: 11.40 m
- Chiều cao mạn: 3.85 m
- Chiều chìm: 3.20 m
- Mạn khô: 0.66 m
- Vật liệu vỏ: Thép
- Số lượng, kiểu, công suất máy chính và số máy: 2; YC6MK300C;600
- Dung tích: 936 Gt
- Tổng công suất: 600.0/34.0
- Trọng tải toàn phần: 1653 tấn
- Cảng đăng kí: Quảng Ninh

-Tổ chức đăng kiểm: Việt Nam

-Giấy tờ tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận đăng kí phương tiện thủy nội địa số đăng ký: HP 4129 do Sở Giao Thông Vận Tải TP Hải Phòng cấp ngày 29/01/2016

Trân trọng.